QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghị quyết số: 47/2026/QH16	

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan hữu quan và ý kiến đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Năm 2027 là năm tăng tốc, bứt phá, tạo đà, tạo thế, tạo lực để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Tập trung quyết liệt phấn đấu tăng trưởng kinh tế đạt từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; lấy hiệu quả thực chất, năng suất và đời sống Nhân dân làm thước đo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực; chuyển mạnh từ chủ trương sang thực thi, xác định rõ trách nhiệm, tiến độ, kết quả; vận hành thông suốt, hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp. Gắn kết hài hòa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, môi trường; bảo đảm an sinh xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế, công tác dân vận, truyền thông chính sách.

Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng GDP đạt từ 10% trở lên được thể hiện tại Phụ lục I và Phụ lục II của Nghị quyết này.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Quốc hội cơ bản tán thành các nhiệm vụ, giải pháp do Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước trình và các

cơ quan của Quốc hội kiến nghị, đồng thời đề nghị Chính phủ và các cơ quan liên quan thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

3.1. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, khơi thông và đa dạng hóa các nguồn lực, kênh dẫn vốn cho nền kinh tế

Phấn đấu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn. Cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng thành kịch bản, chỉ tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương và thường xuyên cập nhật, có giải pháp phù hợp, kịp thời. Phối hợp chặt chẽ chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác. Tạo đột phá trong huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, trong đó: tập trung phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước và tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; phát hành các loại hình trái phiếu (Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, công trình); vay ODA; huy động nguồn vốn tín dụng; tăng đầu tư từ các doanh nghiệp nhà nước, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch để đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân; có các giải pháp cụ thể khuyến khích doanh nghiệp FDI sử dụng các nguồn vốn, lợi nhuận chưa chuyển về nước để tái đầu tư tại Việt Nam; sớm triển khai chính sách mở rộng tỉ lệ sở hữu nước ngoài trong các ngành, nghề không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia; phát triển thị trường vốn trung và dài hạn hiện đại. Phấn đấu nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia; thu hút các quỹ đầu tư quốc tế, dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài dài hạn, ổn định... Điều hành lãi suất, tỉ giá phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế; giảm lãi suất cho vay, hướng tín dụng vào sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; bảo đảm an ninh tài chính; mở rộng cơ sở thu, chống thất thu, chống chuyển giá. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục đầu tư. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công gắn với hiệu quả các dự án, công trình; phân bổ vốn theo kết quả đầu ra. Có giải pháp khả thi cải thiện chỉ số ICOR. Kiên quyết điều chuyển vốn từ nơi giải ngân thấp sang nơi giải ngân tốt.

Phát huy, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống; phát triển thị trường trong nước; kích cầu, phát triển thương mại hiện đại, kinh tế ban đêm; đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu gắn với nâng cao giá trị gia tăng, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu; giảm phụ thuộc vào một số ít thị trường; xử lý kịp thời các vấn đề thương mại, thuế quan. Có giải pháp hiệu quả để xử lý nhập siêu. Phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững thị trường bất động sản và các thị trường khác. Xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng kéo dài. Bảo đảm an ninh năng lượng, cung ứng đủ điện, xăng dầu trong mọi tình huống.

3.2. Tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật; nâng cao chất lượng, tạo chuyển biến thực chất trong tổ chức thực thi; vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp

Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW; xử lý dứt điểm quy định mâu thuẫn, chồng chéo; không để chậm ban hành văn bản quy định chi tiết.

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Cắt giảm báo cáo, văn bản, hội họp không cần thiết. Tăng cường hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 02 cấp theo Kết luận số 76-KL/TW; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, phân quyền, nhất là cấp xã, bảo đảm thẩm quyền đi đôi với nguồn lực và trách nhiệm. Người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương trực tiếp chỉ đạo xử lý dứt điểm nhà, đất dôi dư. Xây dựng, triển khai hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ, công chức dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đẩy mạnh tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm.

3.3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế

Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình phát triển, nâng cao năng lực nội tại, tính độc lập, tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế. Phát triển mạnh hệ sinh thái công nghiệp trong nước; ưu tiên công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao năng lực tự chủ và khả năng thay thế khi nguồn cung bên ngoài bị gián đoạn. Cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao, theo chuỗi giá trị; tích cực tháo gỡ "thẻ vàng" IUU. Phát triển dịch vụ hiện đại, chất lượng, giá trị gia tăng cao; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển du lịch; hình thành các trung tâm logistics hiện đại. Đẩy mạnh thương mại điện tử gắn với quản lý chất lượng hàng hóa, bảo vệ người tiêu dùng.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW, cơ cấu lại thực chất doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp tư nhân trong nước phát triển, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW, thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài gắn với chuyển giao công nghệ. Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, xử lý nợ xấu, tổ chức tín dụng yếu kém, ngăn ngừa hiệu quả sở hữu chéo. Vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỉ lệ lao động phi nông nghiệp.

3.4. Tập trung đầu tư, bảo đảm tiến độ các công trình kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại; phát huy liên kết vùng, các cực tăng trưởng và khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới

Tập trung đầu tư, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc theo quy hoạch, nhất là cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Bắc - Nam phía Tây và các trục Đông - Tây quan trọng; đường ven biển; các tuyến đường vành đai kết nối liên vùng. Phát triển hệ thống cảng biển cửa ngõ, cảng trung chuyển quốc tế, các tuyến vận tải thủy trọng yếu. Thúc đẩy các dự án đường sắt quan trọng quốc gia, nhất là tuyến Lào Cai - Hà

Nội - Hải Phòng, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến kết nối quốc tế, đường sắt đô thị. Đẩy nhanh tiến độ các cảng hàng không quốc tế Long Thành và Gia Bình. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW; xây dựng chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia; đẩy nhanh các dự án nguồn điện, lưới điện truyền tải và điện mặt trời mái nhà theo quy hoạch, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW, mở rộng không gian phát triển, hình thành các cực tăng trưởng. Kiên quyết khắc phục tình trạng địa phương đầu tư sân bay, cảng biển, trung tâm dữ liệu, khu thương mại tự do… theo phong trào, gây lãng phí.

3.5. Tạo đột phá thực chất về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và sản phẩm công nghệ chiến lược

Tạo đột phá thực chất về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, chuyển mạnh sang tạo ra sản phẩm, kết quả và giá trị cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực; làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và sản phẩm công nghệ chiến lược, lượng hóa đóng góp vào tăng trưởng. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu; vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; phủ sóng 5G toàn quốc, chuẩn bị các điều kiện cho 6G, phát triển Internet vệ tinh quỹ đạo thấp, các tuyến cáp quang biển. Bảo đảm an ninh mạng, chủ quyền dữ liệu quốc gia.

3.6. Tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tạo chuyển biến thực chất, rõ nét về chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 71-NQ/TW. Đổi mới quản trị giáo dục, phương pháp dạy, học, thi, giảm áp lực thi cử. Giải quyết tình trạng thiếu trường, lớp, giáo viên, nhất là tại đô thị, khu công nghiệp, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo. Bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa cho học sinh trước khi bắt đầu năm học 2027-2028. Đẩy mạnh giáo dục số, STEM/STEAM; từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Hình thành hồ sơ học tập số của công dân. Bảo đảm điều kiện vận hành các trường nội trú liên cấp vùng biên giới sau khi đi vào hoạt động.

3.7. Phát triển đồng bộ văn hóa, xã hội, y tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe Nhân dân; phát triển thị trường lao động hiện đại

Tạo chuyển biến căn bản, thực chất về phát triển văn hóa, xã hội, y tế và bảo đảm an sinh xã hội. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW; phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo; bảo tồn, phát huy di sản gắn với phát triển du lịch. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hợp nhất, tập trung nguồn lực đến cơ sở, đúng địa bàn, đúng đối tượng, giải quyết những nhu cầu thiết yếu của người dân; tạo sinh kế ổn định, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công; tổ chức trang trọng kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ; tập trung cho Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập,

xác định danh tính hài cốt liệt sĩ, đầu tư hệ thống xét nghiệm ADN. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, chuyển mạnh từ tập trung khám, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe toàn diện. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc miễn phí; củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng. Đẩy nhanh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở công nhân, phấn đấu hoàn thành hơn 176 nghìn căn hộ trong năm 2027. Phát triển thị trường lao động hiện đại, chuyển lao động phi chính thức sang chính thức; mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

3.8. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản; tăng cường bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phát triển bền vững kinh tế biển

Tạo chuyển biến căn bản trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW và Kết luận số 83-KL/TW về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam. Hoàn thiện, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; quản lý chặt khoáng sản chiến lược, đẩy mạnh chế biến sâu, không xuất khẩu thô; năm 2027 hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia ngành vật liệu. Quản lý, bảo vệ, khai thác bền vững tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường dự báo, cảnh báo, ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung xử lý các điểm nóng ô nhiễm không khí, nguồn nước, chất thải rắn. Bảo vệ, phát triển rừng; vận hành hiệu quả thị trường các-bon, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Phát triển các ngành kinh tế biển mới gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia.

3.9. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các thách thức an ninh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại

Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Bố trí thế trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới; gắn kết chặt chẽ quốc phòng với an ninh, kinh tế, đối ngoại. Tiếp tục củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, hiện đại, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ các cấp chủ động, vững chắc. Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; tăng cường phòng, chống cháy nổ; xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh chế độ, an ninh thể chế, an ninh trên các lĩnh vực, không gian theo Nghị quyết số 22-NQ/TW; chủ động nắm chắc, dự báo sát tình hình, xử lý kịp thời từ cơ sở. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, lưỡng dụng, hiện đại. Thể chế hóa chủ trương thúc đẩy hợp tác công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm sở hữu trí tuệ và các thách thức an ninh phi truyền thống.

3.10. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế; tổ chức thành công APEC 2027

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW và Nghị quyết số 59-NQ/TW về đối ngoại, hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, đa phương hóa, đa dạng hóa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; không để bị động, bất ngờ. Tổ chức thành công APEC 2027. Chủ

động phòng ngừa rủi ro pháp lý quốc tế, tranh chấp đầu tư quốc tế.

3.11. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong tổ chức thực hiện; thống nhất tư duy, nhận thức và hành động; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội

Chú trọng công tác truyền thông chính sách, ngay từ khâu xây dựng chủ trương. Kiên quyết đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thông tin xấu, độc. Phát huy mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước; nâng cao chất lượng công tác dân vận; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ ở cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết này.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát và động viên mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Quốc hội kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước, tự tin, tăng tốc, bứt phá, tạo đà, tạo thế, tạo lực, thực hiện thành công toàn diện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thắng lợi các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2027

(Kèm theo Nghị quyết số 47/2026/QH16 ngày 07 tháng 11 năm 2026 của Quốc hội)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến năm 2027
I	**VỀ KINH TẾ**		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	≥10,0
1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,8 phấn đấu đạt 4
1.2	Công nghiệp - xây dựng	%	12,2
	Trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo	%	12,3
1.3	Dịch vụ	%	9,8
2	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 6.100
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	11,5-12,5
4	Tỉ lệ nội địa hóa một số ngành công nghiệp chủ lực	%	40 - 42
5	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	25,4
6	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	1.560
7	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5
8	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	14
9	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	15
10	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	%	12
11	Tăng trưởng doanh số thương mại điện tử	%	15-17
12	Tăng trưởng ngành công nghiệp văn hóa	%	Khoảng 10
13	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam	Triệu lượt khách	28-29
14	Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GDP	%	36-38
15	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	8,6
16	Tổng tích lũy tài sản so với GDP	%	33,2
17	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP	%	62,4
18	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP	%	Khoảng 23,5
19	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	37
20	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	10

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến năm 2027
21	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế	Triệu doanh nghiệp	1,18
22	Tỉ lệ đô thị hóa	%	54
II	**VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI**		
23	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	74,8
24	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25,3
25	Tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	<4
26	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	30
27	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	63
28	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	33
29	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	28
30	Tỉ lệ giảm hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	1-1,5
31	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	15,5
32	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	36
33	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	96,7
34	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	20
35	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	>95
36	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,781
III	**VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**		
37	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	95
38	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	65
39	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	98
40	Tỉ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh	%	30
41	Tỉ lệ tổn thất điện năng	%	5,95
42	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%	55
43	Tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	96
44	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	%	0,36
45	Tỉ lệ che phủ rừng	%	42,03

Phụ lục II

MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2027 CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 47/2026/QH16 ngày 07 tháng 11 năm 2026 của Quốc hội)

TT	Địa phương	GRDP mục tiêu 2027 (%)
1	Thành phố Hà Nội	11,1
2	Thành phố Hồ Chí Minh	10,4
3	Thành phố Hải Phòng	13
4	Thành phố Quảng Ninh	12
5	Thành phố Bắc Ninh	10,5
6	Thành phố Huế	10
7	Thành phố Đà Nẵng	11
8	Thành phố Đồng Nai	11
9	Thành phố Cần Thơ	10,6
10	Lai Châu	10
11	Điện Biên	10,4
12	Sơn La	9,3
13	Lào Cai	10,2
14	Phú Thọ	11
15	Tuyên Quang	10,5
16	Cao Bằng	10
17	Thái Nguyên	10,5
18	Lạng Sơn	10
19	Hưng Yên	10,5
20	Ninh Bình	10,5
21	Thanh Hóa	11
22	Nghệ An	10,5
23	Hà Tĩnh	10,1
24	Quảng Trị	9,0
25	Quảng Ngãi	9,0
26	Gia Lai	10
27	Đắk Lắk	10,8
28	Khánh Hòa	10,5
29	Lâm Đồng	11
30	Tây Ninh	10
31	Đồng Tháp	8,7
32	Vĩnh Long	10,2
33	An Giang	10,7
34	Cà Mau	10